

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 389 /2018/DS-PT

Ngày: 18 /4 / 2018

Vv “ Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Huyền Phương

Các Thẩm phán: 1/ Ông Dương Tuấn Vinh
2/ Bà Trịnh Thị Ánh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngọc Phục - Cán bộ
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Vũ Thị
Nguyệt Tú – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành
phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/DSPT ngày
25/1/2018, do bản án dân sự sơ thẩm số 388/2017/DSST ngày 09-11-2017 của
Toà án nhân dân Quận Z bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
phúc thẩm số 1439/2018/QĐ-PT ngày 02/4/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đặng Thị Kim L, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 139/2 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D.

- *Bị đơn*: Công ty X (Việt Nam).

Địa chỉ trụ sở: Số 75 đường Hoàng Văn T, phường Y , Quận Z, Thành
phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật Công ty X (Việt Nam): Ông P – Chức vụ:
Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của Công ty X (Việt Nam):

1- Bà Bùi Thị Mai Tr, sinh năm 1977 là đại diện theo ủy quyền (Văn bản
ủy quyền ngày 17/10/2017).

Địa chỉ: Số 135/7 Đường Đ, phường TNP, Quận T, Thành phố Hồ Chí
Minh.

2- Bà Lê Thị Thanh X, sinh năm 1972

3- Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1980

Cùng đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16/4/2018).

Địa chỉ liên lạc: Số 75 Hoàng Văn Th, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 01 năm 2016, các Đơn khởi kiện bổ sung, Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, các Bản tự khai, các Biên bản hòa giải, nguyên đơn- bà Đặng Thị Kim L trình bày:

Bà có tham gia hai hợp đồng bảo hiểm tại Công ty X (Việt Nam) như sau:

- Hợp đồng thứ 1: Số hợp đồng bảo hiểm 288038249-2 cấp ngày 30 tháng 01 năm 2012, hiệu lực ngày 20 tháng 01 năm 2012; Sản phẩm bảo hiểm “Phúc thọ phu thê - Tri ân nghĩa vợ, trả phí 15 năm”; Số tiền bảo hiểm là 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng). Theo thỏa thuận của Hợp đồng bảo hiểm số 288038249-2 nêu trên về quyền lợi bảo hiểm trợ cấp nằm viện thì Công ty X (Việt Nam) trợ cấp tiền mặt mỗi ngày nằm viện (0,2%STBH) là 400.000đồng (Bốn trăm nghìn đồng), tối đa không quá 750 ngày cho đến 75 tuổi.

- Hợp đồng thứ 2: Số hợp đồng bảo hiểm 288039698-9 cấp ngày 31 tháng 5 năm 2012, hiệu lực ngày 14 tháng 5 năm 2012; Sản phẩm bảo hiểm “Phúc thọ phu thê - Tri ân nghĩa vợ, trả phí 15 năm”; Số tiền bảo hiểm là 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng). Theo thỏa thuận của Hợp đồng bảo hiểm số 288039698-9 nêu trên về quyền lợi bảo hiểm trợ cấp nằm viện thì Công ty X (Việt Nam) trợ cấp tiền mặt mỗi ngày nằm viện (0,2%STBH) là 2.000.000đồng (Hai triệu đồng), tối đa không quá 750 ngày cho đến 75 tuổi.

Sau khi giao kết hai Hợp đồng bảo hiểm số 288038249-2 và số 288039698-9, bà Đặng Thị Kim L đã nằm điều trị tại Trung tâm Y tế huyện TH, Trung tâm Y tế huyện VH, Bệnh viện Đa khoa tỉnh D. Tuy nhiên, Công ty X (Việt Nam) đã không thực hiện đúng như thỏa thuận tại hai Hợp đồng bảo hiểm số 288038249-2 và số 288039698-9 về việc trợ cấp tiền mặt nằm viện cho bà L mặc dù bà L đã nộp đầy đủ các bằng chứng và chứng từ về việc nhập viện điều trị cho Công ty X (Việt Nam). Bà Đặng Thị Kim L cũng đã gửi đơn khiếu nại đến Bộ Tài Chính, Cục Quản lý Giám sát bảo hiểm Thành phố Hà Nội về vấn đề này. Theo bà L trình bày: sau khi nhận đơn của bà, Bộ Tài Chính, Cục Quản lý Giám sát bảo hiểm thành phố Hà Nội đã có công văn yêu cầu Công ty X (Việt Nam) phải giải quyết quyền lợi bảo hiểm trợ cấp nằm viện cho bà, nhưng phía Công ty X (Việt Nam) vẫn không giải quyết, nên bà gửi đơn khởi kiện Công ty X (Việt Nam) tại Tòa án nhân dân Quận Z.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - bà Đặng Thị Kim L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Không yêu cầu Công ty X (Việt Nam) bồi thường số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) do đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm số 288038249-2 cấp ngày 30/01/2012, hiệu lực ngày 20/01/2012 và số tiền 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng) do đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm số 288039698-9 cấp ngày 31/5/2012, hiệu lực ngày 14/5/2012.

Bà Đặng Thị Kim L xác định chỉ yêu cầu Công ty X (Việt Nam) phải thanh toán cho bà số tiền trợ cấp nằm viện tại các đợt điều trị nằm viện với tổng số tiền là: 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng) /ngày cho cả hai Hợp

đồng bảo hiểm số 288038249-2 và số 288039698-9 (Hợp đồng bảo hiểm số 288038249-2 là 400.000đồng/ngày) + Hợp đồng bảo hiểm số số 288039698-9 là 2.000.000đồng/ngày) x 79 ngày = 189.600.000đồng (Một trăm tám mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng), cụ thể số ngày nằm viện chưa được thanh toán như sau, cụ thể như sau:

- 1- Số ngày nằm viện tại Trung tâm y tế huyện VH chưa thanh toán:
 - Đợt điều trị bệnh tăng huyết áp độ II, viêm khớp, viêm mũi dị ứng từ ngày 09/10/2014 đến ngày 22/10/2014 còn nợ 1 ngày;
 - Đợt điều trị bệnh tăng huyết áp độ II, viêm khớp, suy tĩnh mạch chi dưới từ ngày 06/01/2015 đến ngày 19/01/2015 còn nợ 1 ngày;
 - Đợt điều trị bệnh tăng huyết áp độ II, viêm đa khớp từ ngày 04/02/2015 đến ngày 16/02/2015 còn nợ 7 ngày;
 - Đợt điều trị bệnh tăng huyết áp độ II, viêm xoang, viêm dạ dày, suy tĩnh mạch chi dưới từ ngày 16/3/2015 đến ngày 30/3/2015 còn nợ 14 ngày;
 - Đợt điều trị tăng huyết áp độ II, viêm dạ dày cấp, viêm khớp gối từ ngày 29/6/2015 đến ngày 13/7/2015 còn nợ 14 ngày;
 - Đợt điều trị bệnh tăng huyết áp độ II, viêm khớp gối, viêm dạ dày từ ngày 23/7/2015 đến ngày 02/8/2015 còn nợ 10 ngày;
 - Đợt điều trị bệnh tăng huyết áp độ II, viêm đa khớp, viêm dạ dày từ ngày 17/8/2015 đến ngày 27/8/2015 còn nợ 10 ngày.
- 2- Số ngày nằm viện tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh D chưa thanh toán:
 - Đợt điều trị bệnh rối loạn tiền đình, nhiễm trùng tiêu hóa, thoái hóa khớp dẫn tĩnh mạch chân từ ngày 09/01/2014 đến ngày 22/01/2014 còn nợ 6 ngày;
 - Đợt điều trị bệnh rối loạn tiền đình, viêm hô hấp từ ngày 28/4/2014 đến ngày 07/5/2014 còn nợ 9 ngày.
- 3- Số ngày nằm viện tại Trung tâm y tế huyện TH chưa thanh toán:
 - Đợt điều trị bệnh viêm xoang, hội chứng dạ dày tá tràng từ ngày 31/3/2014 đến ngày 14/4/2014 còn nợ 4 ngày;
 - Đợt điều trị bệnh viêm họng cấp, thoái hóa khớp gối phải từ ngày 27/6/2014 đến ngày 10/7/2014 còn nợ 3 ngày.
 - Yêu cầu Công ty X (Việt Nam) phải thanh toán cho bà Đặng Thị Kim L khoản tiền lãi do chậm trả với mức lãi suất 0.75%/tháng, bắt đầu tính từ sau 30 ngày kể từ ngày Công ty X (Việt Nam) nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ về các đợt điều trị. Phía nguyên đơn-bà Đặng Thị Kim L đồng ý và thống nhất ý kiến của phía bị đơn Công ty X (Việt Nam) về việc xác định ngày nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ về các đợt điều trị nằm viện.

Trong các Bản tự khai, các Biên bản hòa giải, bị đơn- Công ty X (Việt Nam) có ông Nguyễn Cao Đạt là đại diện theo ủy quyền và tại phiên tòa, bị đơn- Công ty X (Việt Nam), có bà Bùi Thị Mai Tr là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty X (Việt Nam) xác nhận bà Đặng Thị Kim L có tham gia mua hai Hợp đồng bảo hiểm số 288038249-2 và số 288039698-9 theo như lời trình bày của phía nguyên đơn- bà Đặng Thị Kim L. Kể từ khi tham gia mua hợp đồng bảo hiểm của Công ty X (Việt Nam), bà Đặng Thị Kim L đã nhiều lần yêu cầu

chi trả quyền lợi trợ cấp nằm viện và đã được Công ty X (Việt Nam) chi trả cho cả hai Hợp đồng bảo hiểm số 288038249-2 và số 288039698-9. Công ty X (Việt Nam) xác nhận số ngày nằm viện bị từ chối chi trả quyền lợi bảo hiểm trợ cấp nằm viện theo các đợt điều trị là 79 ngày như phía nguyên đơn trình bày.

Lý do Công ty X (Việt Nam) từ chối yêu cầu của bà Đặng Thị Kim L về việc yêu cầu Công ty X (Việt Nam) phải chi trả quyền lợi bảo hiểm trợ cấp nằm viện cho bà L đối với 79 ngày nêu trên như sau:

- Xét thấy không cần thiết về mặt y khoa, không cần thiết phải điều trị nội trú theo quy định tại khoản 17.4 Điều 17 của cả hai Hợp đồng bảo hiểm số 288038249-2 và số 288039698-9 về các trường hợp loại trừ thêm đối với quyền lợi trợ cấp nằm viện và căn cứ vào định nghĩa cần thiết về mặt y khoa tại Điều 1 của cả hai Hợp đồng bảo hiểm số 288038249-2 và số 288039698-9 mà các bên đã thỏa thuận và ký kết hợp đồng;

- Đối với các loại bệnh tại các đợt điều trị của bà Đặng Thị Kim L cũng không cần thiết phải nằm dài ngày, có thể điều trị ngoại trú. Việc nằm viện điều trị của bà Đặng Thị Kim L chỉ là nhận thuốc uống. Do đó, theo đội ngũ bác sỹ của Công ty X (Việt Nam) thì đây là một hình thức tĩnh dưỡng, điều trị an dưỡng tại bệnh viện thuộc trường hợp loại trừ theo quy định tại khoản 17.4 Điều 17 của cả hai Hợp đồng bảo hiểm số 288038249-2 và số 288039698-9.

Công ty X (Việt Nam) cho rằng việc từ chối chi trả quyền lợi trợ cấp nằm viện là có cơ sở nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Kim L.

Công ty X (Việt Nam) xác định ngày nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ về các đợt điều trị nằm viện của bà Đặng Thị Kim L như sau:

1/ Các đợt điều trị tại Trung tâm Y tế huyện VH:

- Đợt điều trị từ ngày 09/10/2014 đến ngày 22/10/2014: ngày nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ của đợt điều trị này là ngày 04/12/2014;

- Đợt điều trị từ ngày 06/01/2015 đến ngày 19/01/2015: ngày nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ của đợt điều trị này là ngày 04/3/2015;

- Đợt điều trị từ ngày 04/02/2015 đến ngày 16/02/2015: ngày nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ của đợt điều trị này là ngày 25/3/2015;

- Đợt điều trị từ ngày 16/3/2015 đến ngày 30/3/2015: ngày nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ của đợt điều trị này là ngày 17/4/2015;

- Đợt điều trị từ ngày 29/6/2015 đến ngày 13/7/2015: ngày nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ của đợt điều trị này là ngày 29/7/2015;

- Đợt điều trị từ ngày 23/7/2015 đến ngày 02/8/2015: ngày nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ của đợt điều trị này là ngày 12/8/2015;

- Đợt điều trị từ ngày 17/8/2015 đến ngày 27/8/2015: ngày nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ của đợt điều trị này là ngày 09/10/2015.

2/ Các đợt điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh D:

- Đợt điều trị từ ngày 09/01/2014 đến ngày 22/01/2014: ngày nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ của đợt điều trị này là ngày 03/3/2014;
- Đợt điều trị từ ngày 28/4/2014 đến ngày 07/5/2014: ngày nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ của đợt điều trị này là ngày 24/6/2014.

3/ Các đợt điều trị tại Trung tâm Y tế huyện TH:

- Đợt điều trị từ ngày 31/3/2014 đến ngày 14/4/2014: ngày nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ của đợt điều trị này là ngày 28/4/2014;
- Đợt điều trị từ ngày 27/6/2014 đến ngày 10/7/2014: ngày nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ của đợt điều trị này là ngày 21/8/2014.

Bản án số 388/2017/DSST ngày 09-11-2017 về việc “ Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm” của Tòa án nhân dân Quận Z đã tuyên xử:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 85, Điều 86, Điều 94, Điều 95, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 7, Điều 12, Điều 17, Điều 29 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 sửa đổi bổ sung năm 2010;

- Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào quy định tại Pháp lệnh án phí, lệ phí toà án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn-bà Đặng Thị Kim L, cụ thể:

[1.1] Công ty X (Việt Nam) phải thanh toán cho bà Đặng Thị Kim L số tiền chi trả Quyền lợi bảo hiểm trợ cấp nằm viện tại các đợt điều trị nằm viện với tổng số tiền là 2.400.000đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng)/ngày cho cả hai Hợp đồng bảo hiểm số 288038249-2 và số 288039698-9 (Hợp đồng bảo hiểm số 288038249-2 là 4.000.000đồng/ngày; Hợp đồng bảo hiểm số 288039698-9 là 2.000.000đồng/ngày) x 79 ngày = 189.600.000đồng (Một trăm tám mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng);

[1.2] Công ty X (Việt Nam) phải thanh toán cho bà Đặng Thị Kim L số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ chi trả Quyền lợi bảo hiểm trợ cấp nằm viện là 44.748.000đồng (Bốn mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Tổng cộng số tiền bị đơn-Công ty X (Việt Nam) phải thanh toán cho bà Đặng Thị Kim L là 234.348.000đồng (Hai trăm ba mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

[1.3] Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với các yêu cầu của bà Đặng Thị Kim L, cụ thể như sau:

2.1 Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu Công ty X (Việt Nam) bồi thường số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) do đơn phương chấm dứt

Hợp đồng bảo hiểm số 288038249-2 cấp ngày 30/01/2012, hiệu lực ngày 20/01/2012;

2.2 Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu Công ty X (Việt Nam) bồi thường số tiền 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng) do đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm số 288039698-9 cấp ngày 31/5/2012, hiệu lực ngày 14/5/2012.

3. Trong trường hợp bị đơn – Công ty X (Việt Nam) chậm thi hành khoản tiền trên thì Công ty X (Việt Nam) phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ Luật dân sự năm 2015 cụ thể: lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn-Công ty X (Việt Nam) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn- bà Đặng Thị Kim L được chấp nhận là 11.717.400đồng (Mười một triệu bảy trăm mười bảy nghìn bốn trăm đồng), thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Hoàn trả cho bà Đặng Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.370.000đồng (Hai triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AD/2014/0009011 ngày 24/02/2016) của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh và số tiền 12.472.500đồng (Mười hai triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0024331 ngày 08/9/2017) của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận Z, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người kháng cáo trình bày: Yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền chi trả tiền trợ cấp trong 79 ngày nằm viện của bà L và tiền lãi phát sinh và điều chỉnh lại phần án phí do sửa án. Các nội dung khác của bản án đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về hình thức:

Từ khi thụ lý giải quyết vụ án phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện các quyền và chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về thời hạn kháng cáo:

Tòa án nhân dân Quận Z đưa vụ án ra xét xử ngày 09/11/2017 đến ngày 11/12/2017 Công ty X có đơn kháng cáo, như vậy căn cứ điều 273 Bộ Luật Tố

tụng dân sự 2015, kháng cáo còn trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét.

Về nội dung kháng cáo: Bà L và Công ty X đều thống nhất thời gian nằm viện chưa được hỗ trợ là 79 ngày tổng cộng cho 02 hợp đồng bảo hiểm. Phía Công ty X không có cơ sở gì chứng minh đây thuộc trường hợp loại trừ. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1- Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty X Việt Nam và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thời hạn kháng cáo: Tòa án nhân dân Quận Z đưa vụ án ra xét xử ngày 09/11/2017 đến ngày 11/12/2017, Công ty X có đơn kháng cáo, căn cứ Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, kháng cáo còn trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của công ty X không đồng ý chi trả tiền trợ cấp 79 ngày nằm viện của bà L và tiền lãi phát sinh.

Bà Đặng Thị Kim L và Công ty X (Việt Nam) có giao kết các Hợp đồng bảo hiểm như sau:

- Hợp đồng thứ 1: Số hợp đồng bảo hiểm 288038249-2 cấp ngày 30 tháng 01 năm 2012, hiệu lực ngày 20 tháng 01 năm 2012; Sản phẩm bảo hiểm “Phúc thọ phụ thê - Tri ân nghĩa vợ, trả phí 15 năm”; Số tiền bảo hiểm là 200.000.000đồng. Theo thỏa thuận của Hợp đồng bảo hiểm số 288038249-2 nêu trên về quyền lợi bảo hiểm trợ cấp nằm viện thì Công ty X (Việt Nam) trợ cấp tiền mặt mỗi ngày nằm viện (0,2%STBH) là 400.000đồng (Bốn trăm nghìn đồng), tối đa không quá 750 ngày cho đến 75 tuổi.

- Hợp đồng thứ 2: Số hợp đồng bảo hiểm 288039698-9 cấp ngày 31 tháng 5 năm 2012, hiệu lực ngày 14 tháng 5 năm 2012; Sản phẩm bảo hiểm “Phúc thọ phụ thê - Tri ân nghĩa vợ, trả phí 15 năm”; Số tiền bảo hiểm là 1.000.000.000đồng. Theo thỏa thuận của Hợp đồng bảo hiểm số 288039698-9 nêu trên về quyền lợi bảo hiểm trợ cấp nằm viện thì Công ty X (Việt Nam) trợ cấp tiền mặt mỗi ngày nằm viện (0,2%STBH) là 2.000.000đồng, tối đa không quá 750 ngày cho đến 75 tuổi.

Xét cả hai Hợp đồng bảo hiểm số 288038249-2 và số 288039698-9 nêu trên đều được hai bên giao kết tự nguyện, không trái các quy định của pháp luật, vi phạm đạo đức xã hội nên có giá trị ràng buộc về quyền và nghĩa vụ của hai bên.

[1] Căn cứ các hồ sơ bệnh án do Trung tâm Y tế huyện TH, Trung tâm Y tế huyện VH, Bệnh viện Đa khoa tỉnh D cung cấp, lời khai thống nhất của các đương sự có cơ sở xác định số ngày nằm viện của các đợt điều trị nằm viện tại

các đơn vị y tế nêu trên theo lời trình bày của nguyên đơn-bà Đặng Thị Kim L là có thật, cụ thể:

[1.1] Số ngày nằm viện tại Trung tâm Y tế huyện VH, Công ty X (Việt Nam) chưa chi trả là 57 ngày, gồm :

- Đợt điều trị từ ngày 09/10/2014 đến ngày 22/10/2014 còn nợ 1 ngày;
- Đợt điều trị từ ngày 06/01/2015 đến ngày 19/01/2015 còn nợ 1 ngày;
- Đợt điều trị từ ngày 04/02/2015 đến ngày 16/02/2015 còn nợ 7 ngày;
- Đợt điều trị từ ngày 16/3/2015 đến ngày 30/3/2015 còn nợ 14 ngày;
- Đợt điều trị từ ngày 29/6/2015 đến ngày 13/7/2015 còn nợ 14 ngày;
- Đợt điều trị từ ngày 23/7/2015 đến ngày 02/8/2015 còn nợ 10 ngày;
- Đợt điều trị từ ngày 17/8/2015 đến ngày 27/8/2015 còn nợ 10 ngày.

[1.2] Số ngày nằm viện tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh D, Công ty X (Việt Nam) chưa chi trả là 15 ngày, cụ thể:

- Đợt điều trị từ ngày 09/01/2014 đến ngày 22/01/2014 còn nợ 6 ngày;
- Đợt điều trị từ ngày 28/4/2014 đến ngày 07/5/2014 còn nợ 9 ngày.

[1.3] Số ngày nằm viện tại Trung tâm Y tế huyện TH, Công ty X (Việt Nam) chưa chi trả là 7 ngày, cụ thể:

- Đợt điều trị từ ngày 31/3/2014 đến ngày 14/4/2014 còn nợ 4 ngày;
- Đợt điều trị từ ngày 27/6/2014 đến ngày 10/7/2014 còn nợ 3 ngày.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận số ngày nằm viện Công ty X (Việt Nam) từ chối chi trả quyền lợi bảo hiểm trợ cấp nằm viện cho bà Đặng Thị Kim L là 79 ngày.

[2] Đối với yêu cầu Công ty X (Việt Nam) phải thanh toán cho bà số tiền trợ cấp nằm viện tại các đợt điều trị nằm viện với tổng số tiền là 2.400.000 đồng/ngày (cho cả hai Hợp đồng bảo hiểm số 288038249-2 và số 288039698-9) x 79 ngày = 189.600.000đồng

Công ty X (Việt Nam) cho rằng: Theo ý kiến của đội ngũ bác sỹ của Công ty X (Việt Nam) thì các loại bệnh tại các đợt điều trị của bà Đặng Thị Kim L là không cần thiết phải điều trị nằm viện dài ngày, có thể điều trị ngoại trú. Việc nằm viện điều trị của bà Đặng Thị Kim L chỉ là nhận thuốc uống, là một hình thức tĩnh dưỡng, điều trị an dưỡng tại bệnh viện thuộc trường hợp loại trừ theo quy định tại khoản 17.4 Điều 17 của cả hai Hợp đồng bảo hiểm số 288038249-2 và số 288039698-9. Hội đồng xét xử xét thấy đây là ý kiến của Công ty X (Việt Nam) nhưng không dựa trên căn cứ pháp lý nào và cũng không phù hợp thực tế vì thời gian mà bà L điều trị đã được thể hiện trong hồ sơ bệnh án của bà. Và căn cứ vào các quy định tại Điều 73 và Điều 74 Luật Khám bệnh, Chữa bệnh năm 2009 thì không cần thiết phải thành lập hội đồng y khoa vì chỉ thành lập Hội đồng chuyên môn khi có yêu cầu giải quyết tranh chấp về khám bệnh, chữa bệnh khi xảy ra tai biến đối với người bệnh để xác định có hay không có sai sót chuyên môn kỹ thuật.

Căn cứ quy định tại khoản 17.4 Điều 17 của cả hai Hợp đồng bảo hiểm số 288038249-2 và số 288039698-9 về các trường hợp loại trừ thêm đối với quyền

lợi trợ cấp nằm viện và căn cứ vào định nghĩa cần thiết về mặt y khoa tại Điều 1 của cả hai Hợp đồng bảo hiểm số 288038249-2 và số 288039698-9 mà các bên đã thỏa thuận và ký kết hợp đồng, thì không có một nội dung nào quy định rõ các loại bệnh (tăng huyết áp độ II, viêm khớp, suy tĩnh mạch chi dưới, hội chứng dạ dày tá tràng...) của bà Đặng Thị Kim L được thể hiện trong các hồ sơ bệnh án do Trung tâm Y tế huyện TH, Trung tâm Y tế huyện VH, Bệnh viện Đa khoa tỉnh D cung cấp thuộc trường hợp loại trừ đối với quyền lợi trợ cấp nằm viện. Ngoài 02 hợp đồng bảo hiểm trên, giữa bà L và Công ty bảo hiểm Công ty X (Việt Nam) cũng không ký thêm phụ lục hợp đồng nào làm rõ trường hợp loại trừ đối với quyền lợi trợ cấp nằm viện, cũng như không đưa ra được chứng cứ chứng minh về nội dung không cần thiết về mặt y khoa. Đồng thời, Theo nội dung của hai Hợp đồng bảo hiểm quy định về quyền lợi bảo hiểm trợ cấp nằm viện thì Công ty X (Việt Nam) trợ cấp tối đa không quá 750 ngày/ một hợp đồng cho đến khi khách hàng 75 tuổi. Thời gian bà L yêu cầu trợ cấp nằm trong giới hạn đã thỏa thuận. Trên thực tế, theo tài liệu chứng cứ và lời khai trong hồ sơ thể hiện Công ty X xác nhận mặc dù không chấp nhận yêu cầu của bà L nhưng Công ty đã tự nguyện giải quyết cho bà tổng cộng là 510.800.000 (năm trăm mười triệu tám trăm ngàn đồng) dựa theo “ *bộ tiêu chuẩn số ngày nằm viện để điều trị với một nhóm bệnh phổ thông*” (Bút lục 219, 215, 214, 212, 211) để tính ngày được hưởng trợ cấp của bà L.

[3] Đối với yêu cầu Công ty X (Việt Nam) phải thanh toán cho bà Đặng Thị Kim L khoản tiền lãi do chậm trả với mức lãi suất 0.75%/tháng, bắt đầu tính từ sau 30 ngày kể từ ngày Công ty X (Việt Nam) nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ về các đợt điều trị tính đến ngày 06/11/2017, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Hội đồng xét xử sơ thẩm xét chấp nhận yêu cầu tính lãi đối với thời gian trả chậm của số tiền là 189.600.000 đồng, là tiền trợ cấp nằm viện của 79 ngày nêu trên với mức lãi suất 0.75%/tháng, bắt đầu tính từ sau 30 ngày kể từ ngày Công ty X (Việt Nam) nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ về các đợt điều trị tính đến ngày 06/11/2017, là có căn cứ, đúng pháp luật, cụ thể:

[3.1] Các đợt điều trị tại Trung tâm Y tế huyện VH:

- Đợt điều trị từ ngày 09/10/2014 đến ngày 22/10/2014: còn nợ 01 (một) ngày không chi trả, ngày nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ của đợt điều trị này là ngày 04/12/2014: 622.200đồng

- Đợt điều trị từ ngày 06/01/2015 đến ngày 19/01/2015: còn nợ 01 (một) ngày không chi trả, ngày nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ của đợt điều trị này là ngày 04/3/2015: 568.200đồng

- Đợt điều trị từ ngày 04/02/2015 đến ngày 16/02/2015: còn nợ 07 (bảy) ngày không chi trả, ngày nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ của đợt điều trị này là ngày 25/3/2015: 3.889.200đồng

- Đợt điều trị từ ngày 16/3/2015 đến ngày 30/3/2015: còn nợ 14 (mười bốn) ngày không chi trả, ngày nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ của đợt điều trị này là ngày 17/4/2015: 7.585.200đồng

- Đợt điều trị từ ngày 29/6/2015 đến ngày 13/7/2015: còn nợ 14 (mười bốn) ngày không chi trả, ngày nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ của đợt điều trị này là ngày 29/7/2015: 6.720.000đồng

- Đợt điều trị từ ngày 23/7/2015 đến ngày 02/8/2015: còn nợ 10 (mười) ngày không chi trả, ngày nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ của đợt điều trị này là ngày 12/8/2015: 4.716.000đồng

- Đợt điều trị từ ngày 17/8/2015 đến ngày 27/8/2015: còn nợ 10 (mười) ngày không chi trả, ngày nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ của đợt điều trị này là ngày 09/10/2015: 4.368.000đồng

Tổng số tiền lãi của các đợt điều trị tại Trung tâm Y tế huyện VH là: 28.468.000đồng

[3.2] Các đợt điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh D:

- Đợt điều trị từ ngày 09/01/2014 đến ngày 22/01/2014: còn 06 (sáu) ngày không chi trả, ngày nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ của đợt điều trị này là ngày 03/3/2014: 4.726.800đồng

- Đợt điều trị từ ngày 28/4/2014 đến ngày 07/5/2014: còn 09 (chín) ngày không chi trả, ngày nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ của đợt điều trị này là ngày 24/6/2014: 6.480.000 đồng

Tổng số tiền lãi của các đợt điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh D là: 11.206.800đồng

[3.3] Các đợt điều trị tại Trung tâm Y tế huyện TH:

- Đợt điều trị từ ngày 31/3/2014 đến ngày 14/4/2014: còn 04 (bốn) ngày không chi trả, ngày nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ của đợt điều trị này là ngày 28/4/2014: 3.016.800đồng

- Đợt điều trị từ ngày 27/6/2014 đến ngày 10/7/2014: còn 03 (ba) ngày không chi trả, ngày nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ của đợt điều trị này là ngày 21/8/2014: 2.055.600đồng

Tổng số tiền lãi của các đợt điều trị tại Trung tâm Y tế huyện TH là: 5.072.400đồng

Tổng số tiền lãi của 79 ngày nằm viện chưa được chi trả, được Hội đồng xét xử xét chấp nhận là: 44.748.000 đồng.

Từ những nhận định, phân tích trên và thống nhất ý kiến đề nghị của Viện Kiểm Sát, căn cứ vào khoản 20.3 Điều 20 của hai Hợp đồng bảo hiểm số 288038249-2 và số 288039698-9, Điều 17, Điều 29 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 sửa đổi bổ sung năm 2010. Hội đồng xét xử xét thấy Công ty X (Việt

Nam) đã vi phạm thời hạn chi trả Quyền lợi trợ cấp nằm viện cho bà Đặng Thị Kim L nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty X(Việt Nam). Yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Kim L về việc Công ty X (Việt Nam) phải trả ngay toàn bộ số tiền trợ cấp nằm viện là 189.600.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 44.748.000đồng. Tổng cộng là 234.348.000 đồng. Trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ. Tòa án nhân dân Quận Z chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - bà Đặng Thị Kim L là đúng pháp luật.

Các phần khác của bản án sơ thẩm các đương sự không kháng cáo nên phát sinh hiệu lực.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn- Công ty X (Việt Nam) phải chịu án phí dân sự đối với phần yêu cầu của nguyên đơn- bà Đặng Thị Kim L được Hội đồng xét xử chấp nhận là: 234.348.000 đồng. Công ty X (Việt Nam) phải chịu án phí dân sự là 11.717.400 đồng. Nguyên đơn- bà Đặng Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty X (Việt Nam) phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Công ty X (Việt Nam) đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Từ nhận định trên, căn cứ Khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 85, Điều 86, Điều 94, Điều 95, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 7, Điều 12, Điều 17, Điều 29 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 sửa đổi bổ sung năm 2010;

- Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào quy định tại Pháp lệnh án phí, lệ phí toà án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty X (Việt Nam). Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 388/2017/DSST ngày 09/11/2017 của Tòa án nhân dân Quận Z

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn-bà Đặng Thị Kim L, cụ thể:

[1.1] Công ty X (Việt Nam) phải thanh toán cho bà Đặng Thị Kim L số tiền chi trả Quyền lợi bảo hiểm trợ cấp nằm viện tại các đợt điều trị nằm viện với tổng số tiền là 2.400.000đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng)/ngày cho cả hai Hợp đồng bảo hiểm số 288038249-2 và số 288039698-9 (Hợp đồng bảo hiểm số 288038249-2 là 4.000.000đồng/ngày; Hợp đồng bảo hiểm số

288039698-9 là 2.000.000đồng/ngày) x 79 ngày = 189.600.000đồng (Một trăm tám mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng);

[1.2] Công ty X (Việt Nam) phải thanh toán cho bà Đặng Thị Kim L số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ chi trả Quyền lợi bảo hiểm trợ cấp nằm viện là 44.748.000đồng (Bốn mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Tổng cộng số tiền bị đơn-Công ty X (Việt Nam) phải thanh toán cho bà Đặng Thị Kim L là 234.348.000đồng (Hai trăm ba mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

[1.3] Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Thi hành án Dân sự có thẩm quyền..

2. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với các yêu cầu của bà Đặng Thị Kim L, cụ thể như sau:

2.1 Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu Công ty X (Việt Nam) bồi thường số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) do đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm số 288038249-2 cấp ngày 30/01/2012, hiệu lực ngày 20/01/2012;

2.2 Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu Công ty X (Việt Nam) bồi thường số tiền 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng) do đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm số 288039698-9 cấp ngày 31/5/2012, hiệu lực ngày 14/5/2012.

3. Trong trường hợp bị đơn – Công ty X (Việt Nam) chậm thi hành khoản tiền trên thì Công ty X (Việt Nam) phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ Luật dân sự năm 2015 cụ thể: lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí :

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn-Công ty X (Việt Nam) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn- bà Đặng Thị Kim L được chấp nhận là 11.717.400đồng (Mười một triệu bảy trăm mười bảy nghìn bốn trăm đồng), thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Hoàn trả cho bà Đặng Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.370.000đồng (Hai triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AD/2014/0009011 ngày 24/02/2016) của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh và số tiền 12.472.500đồng (Mười hai triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0024331 ngày 08/9/2017) của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận Z, thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty X phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo quy định của pháp luật. Công ty X đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0024774 ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Z.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận Z;
- Chi cục THADS Quận Z;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Huyền Phương